ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TIỂU LUẬN GIỮA KỲ

ĐỀ SỐ 4

(Bài làm áp dụng Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi và bổ sung năm 2009)

HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN MINH HUYỀN

KHOA: KHOA HỌC QUẢN LÝ

MÃ SỐ SINH VIÊN: 15030491

GIẢNG VIÊN: PGS.TS TRẦN VĂN HẢI

THS HOÀNG LAN PHƯƠNG

**CÂU 1**:

Sinh viên Trần Văn A hiện đang là sinh viên của Trường Đại học Mỹ thuật đã sáng tạo ra một bức tranh sơn dầu và đặt tên bức tranh là “ Mùa xuân”. Sinh viên Nguyễn Văn B đã vẽ thêm một số chi tiết cho bức tranh “ Mùa xuân”, đổi tên bức tranh thành “ Mùa hạ” và ký tên tác giả của bức tranh là “ Nguyễn Văn B”.

1, Xác định các quyền của sinh viên Trần Văn A ?

* Vì sinh viên Trần Văn A là người trực tiếp tạo ra tác phẩm nghệ thuật là bức tranh “ Mùa xuân” nên Trần Văn A được Nhà nước Việt bảo hộ về quyền tác giả bao gồm:

+ *Quyền nhân thân: Đặt tên cho tác phẩm; Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danhkhi tác phẩm được công bố, sử dụng; Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tác tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự bà uy tín của tác giả.* (Điều 19, Luật SHTT)

+ *Quyền tài sản: Làm tác phẩm phái sinh; Sao chép tác phẩm.* (Khoản 1 Điều 20, Luật SHTT)

2, Phân tích hành vi cả sinh viên Nguyễn Văn B. Các hành vi trên có xâm phạm quyền tác giả không? Vì sao?

* Sinh viên Nguyễn Văn B đã sử dụng bức tranh “ Mùa xuân” của sinh viên Trần Văn A để vẽ thêm một số chi tiết mà chưa được sự cho phép của tác giả bức tranh “ Mùa xuân” là sinh viên Trần Văn A.

Sinh viên Nguyễn Văn B đã xâm phạm quyền nhân thân đối với Trần Văn A cụ thể là B đã xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho phép người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả( Khoản 4 Điều 19 Luật SHTT).

* Sinh viên Nguyễn Văn B đã tự ý đổi tên bức tranh “ Mùa xuân” thành “ Mùa hạ”.

Sinh viên Nguyễn Văn B đã xâm phạm quyền nhân thân đối với Trần Văn A cụ thể là (Khoản 1 Điều 19 Luật SHTT), B đã đặt tên khác thay cho tên tác phẩm gốc “ Mùa xuân” thành “ mùa hạ”.

* Sinh viên Nguyên Văn B đã ký tên tác giả bức tranh “ Mùa hạ” là Nguyễn Văn B.

Sinh viên Nguyễn Văn B đã xâm phạm quyền nhân thân đối với Trần Văn A cụ thể là (Khoản 2 Điều 19 Luật SHTT) khi trực tiếp thay tên mình thành tên của tác giả.

3, Tháng 10.2016 Trần Văn A đã bán bức tranh “ Mùa xuân” cho Trường Đại học Mỹ thuật với giá 20 triệu đồng. Tháng 12.2016 Trần Văn A tiếp tục bán 02 bản sao của bức tranh “ Mùa xuân” cho Công ty X và Công ty Y. Hãy phân tích hành vi của Trần Văn A. hành vi này có xâm phạm quyền tác giả không? Vì sao?

* Hành vi của Trần Văn A khi bán bức tranh “ Mùa xuân” cho trường Đại học Mỹ thuật và bán 02 bản sao của bức tranh “ Mùa xuân” cho Công ty X và Công ty Y là hoàn toàn hợp pháp. Vì Trần Văn A có quyền tác giả đối với tác phẩm “ Mùa xuân” trong đó bao gồm 2 quyền là quyền nhân thân và quyền tài sản. Việc A bán tác phẩm “ Mùa xuân” và 02 bản sao của tác phẩm “ Mùa xuân” là nằm trong quyền hạn mà A được hưởng cụ thể (Khoản c,d Điều 20 Luật SHTT).

**CÂU 2:**

Anh chị hãy cho biết đối tượng nào sau đây được bảo hộ/không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế và cho biết lý do:

1, Phương pháp xét nghiệm máu không cần lấy máu qua da.

* Đây là đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế. Vì theo (Khoản 7 Điều 59 Luật SHTT), đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế là : *Phương pháp phòng ngừa, chuẩn đoán và chữa bệnh cho người và động vật.*

2, Thuốc cai nghiện ma túy.

* Đây là đối tượng được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế. Xét theo điều kiện chung đối với sáng chế được bảo hộ thì thuốc cai nghiện ma túy có tính mới; có trình độ sáng tạo; có khả năng áp dụng công nghiệp. Phù hợp với các điều kiện có nêu trong(Điều 58 Luật SHTT) và không thuộc đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế nào trong (Điều 59 Luật SHTT).

3, Giải pháp giấu tin vào văn bản tiếng việt bằng cách dịch chuyển các thanh và các dấu đặc biệt.

* Đây là đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế vì đã vi phạm vào (Khoản 3 Điều 59 *Cách thức thể hiện thông tin* Luật SHTT). Xét về điều kiện chung thì đối tượng này cũng không có tính mới và khả năng áp dụng công nghiệp (Điều 58 Luật SHTT).

4, Thuyết “ bàn tay vô hình” của nền kinh tế thị trường.

* Đây là đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế theo ( Khoản 1 Điều 59 *Phát minh, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học* Luật SHTT).

**CÂU 3:**

So sánh việc bảo hộ “ chỉ dẫn địa lý” ở Việt Nam và Hoa Kỳ? Hãy nêu ý kiến của anh chị về việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam ở nước ngoài đặc biệt là các quốc gia không bảo hộ “ chỉ dẫn địa lý”?

* Thuật ngữ “chỉ dẫn địa lý” được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Hiệp định TRIPS: *“ Chỉ dẫn địa lý là những chỉ dẫn về hàng hóa bắt nguồn từ lãnh thổ của một thành viên hoặc từ khu vực hay địa phương thuộc lãnh thổ đó, có chất lượng, uy tín hoặc đặc tính nhất định chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định”.*
* Theo quan điểm của Hoa Kỳ, chỉ dẫn địa lý có thể được coi như một dạng của nhãn hiệu vì có cùng chức năng như nhãn hiệu, đó là :

  Dấu hiệu chỉ nguồn gốc.

Bảo đảm chất lượng.

Phương tiện có giá trị trong kinh doanh.

* Hoa Kỳ nhận thấy bằng việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua hệ thống nhãn hiệu – thường là nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể – có thể đáp ứng được tiêu chuẩn TRIPS+ về bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xuất xứ trong nước lẫn nước ngoài. Các ví dụ về chỉ dẫn địa lý của Hoa Kỳ có thể kể tới : “FLORIDA” cho cam, “IDAHO” cho khoai tây và “WASHINGTON STATE” cho táo.

<http://luatdanan.com/so-huu-tri-tue/bao-ho-chi-dan-dia-ly-viet-nam-nuoc-ngoai/>

Do đó, theo Hoa Kỳ, không cần thiết phải thiết lập một hệ thống riêng về bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua hệ thống nhãn hiệu thông thường là nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể là đủ để đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định TRIPS.

* Khái niệm nhãn hiệu chứng nhận được đưa ra trong Lanham Act như sau *“Nhãn hiệu chứng nhận là bất kỳ chữ, tên gọi, biểu tượng, hình vẽ hoặc sự kết hợp các yếu tố đó đã được sử dụng hoặc có ý định sử dụng trong hoạt động thương mại bởi một người không phải là chủ sở hữu nhãn hiệu, được chủ sở hữu đăng ký nhằm mục đích cho phép người khác sử dụng và nộp đơn đăng ký bảo hộ nhằm chứng nhận rằng hàng hoá và dịch vụ mang nhãn có nguồn gốc khu vực hoặc nguồn gốc khác, có nguyên liệu, cách thức sản xuất, chất lượng, sự chính xác hoặc đặc tính khác của hàng hóa hay dịch vụ của người nào đó hoặc chứng nhận quy trình và cách thức sản xuất hàng hoá và dịch vụ được thực hiện bởi các thành viên của hiệp hội hoặc tổ chức khác”* (Lanham Act, Chương 15, Điều 1127).

Như vậy, về cơ bản nhãn hiệu chứng nhận của Hoa Kỳ tương đồng với cách hiểu nhãn hiệu chứng nhận của các nước. Điểm đặc biệt của nhãn hiệu chứng nhận theo pháp luật Hoa Kỳ là sản phẩm không nhất thiết phải sản xuất ở khu vực địa lý đó, sản phẩm vẫn có thể mang nhãn hiệu chứng nhận nếu sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn của chủ sở hữu nhãn hiệu đưa ra và chỉ cần một công đoạn sản xuất được thực hiện ở khu vực địa lý đó là đủ.

* Khoản 22 Điều 4 Luật SHTT quy định*: “Chỉ dẫn địa lý là các dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể”.*
* Như vậy định nghĩa này đặt ra 2 tiêu chí đó là:

+ Chỉ dẫn địa lý là những chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý.

+ Hàng hóa mang chỉ dẫn địa lý phải bắt nguồn từ lãnh thổ hoặc từ khu vực, địa phương thuộc lãnh thổ đó.

* Khác với “nhãn hiệu chững nhận” của Hoa kỳ thì “chỉ dẫn địa lý” của Việt Nam mang những đặc điểm cơ bản như sau:

+ Sản phẩm gắn với chỉ dẫn địa lý chỉ là hàng hóa không thể là dịch vụ. Các sản phẩm hàng hóa có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc đã qua chế biến.

VD: Hàng hóa từ tự nhiên: Cam Cao Phong, Xoài Cát Hòa Lộc(Tiền Giang), Nho Ninh Thuân,…

Hàng hóa qua chế biến: Nước mắm Phú Quốc, Chè Tân Cương,…

+ Sản phẩm gắn với một vùng địa lý nhất định. VD: Rượu mạnh Cognac, Hoa hồi Lạng Sơn,…

+ Chất lượng sản phẩm do điều kiện tự nhiên vùng địa lý mang lại. VD: Cam Cao Phong, cam là loại trái cây dễ trồng ở miền Bắc Việt Nam tuy có rất nhiều nơi có thể trồng được và cho ra quả với chất lượng tốt nhưng riêng cam được trồng tại Cao Phong – Hòa Bình lại cho ra những trái cam to, tròn, màu đẹp bắt mắt và vị ngon đậm đặc trưng mà không nơi nào có được.

+ Chất lượng của sản phẩm do truyền thống canh tác mang lại. Ở đây có thể hiểu là chất lượng sản phẩm do điều kiện xã hội mang lại, do nét đặc thù canh tác của vùng hay khu vực quyết định.

+ Chất lượng sản phẩm do kỹ thuật chế biến mang lại. VD: Kỹ thuật làm nước mắm, làm chè khô, làm rượu,…

* Chỉ dẫn địa lý được phân làm 2 loại là: Hình thức thể hiện; Nguồn gốc sản phẩm.

+ Phân loại theo hình thức thể hiện: Từ ngữ hoặc hình ảnh. Chỉ dẫn địa lý từ ngữ có thể là một địa danh, tên vùng địa lý cụ thể, tên một quốc gia, tên một địa phương, tên một ngọn núi. Chỉ dẫn địa lý hình ảnh là những hình ảnh/ biểu tượng có mối liên hệ với một địa danh nhất định.

+ Phân loại theo nguồn gốc sản phẩm: Sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên; Sản phẩn đã qua chế biến/chế tạo.

* Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý:

+ Chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý. Điều 83 Luật SHTT quy định: “*Khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý có ranh giới được xác định một cách chính xác bằng từ ngữ và văn bản.”*

+ Tồn tại khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

+ Chất lượng, danh tiếng hoặc đặc tính của sản phẩm nhờ xuất xứ địa lý.

+ Xác lập quyền sở hữu công nghiệp với chỉ dẫn địa lý.

+ Quyền của chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý: Khoản 4 Điều 121 Luật SHTT quy định: *“Chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý của Việt Nam là Nhà nước.”* Như vậy Ngà nước trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương tương ứng và đưa sản phẩm đó ra thị trường. Cơ quan, tổ chức có quyền quản lý chỉ dẫn địa lý là: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực địa lý tương ứng; Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền; Cơ quan, tổ chức được ủy quyền.

+Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý:

Tổ chức quản lý: Cho phép người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật; Trao quyền quản lý, ngăn cấm sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Tổ chức, cá nhân được trao quyền: Gắn chỉ dẫn địa lý được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch; Lưu thông, chào bán, quảng cáo, tàng trữ; Nhập khẩu hàng hóa có mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

+ Quyền bảo vệ chỉ dẫn địa lý: Áp dụng công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền; Yêu cầu chấm dứt hành vi, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại đối với cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm quyền; Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý; Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền .

* Đối với pháp luật Hoa Kỳ :

+ Tính tập thể trong bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua nhãn hiệu ở Hoa Kỳ được hiểu là cơ chế cho phép nhà sản xuất tham gia cùng nhau, với cùng mục đích bán được sản phẩm giá cao và mang lại lợi ích kinh tế cho họ. Để đạt được mục tiêu tập thể đó, cần có cơ chế kiểm soát sao cho đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng nhất việc kiểm soát chất lượng các chỉ dẫn địa lý có thể làm nảy sinh yêu cầu quản lý tập thể vì việc kiểm soát chất lượng sản phẩm sẽ làm gia tăng giá trị cho sản phẩm và thu hút sự tham gia của các thành viên vào tổ chức để cùng khai thác lợi thế thương mại của tập thể cũng như của sản phẩm.

<http://vi.sblaw.vn/bao-ho-chi-dan-dia-ly-duoi-hinh-thuc-nhan-hieu-chung-nhan-cua-hoa-ky/>

* Bên cạnh “nhãn hiệu chứng nhận” thì Hoa Kỳ còn có “nhãn hiệu tập thể” đây là một cách khác, mặc dù không phổ biến, được dùng để bảo hộ chỉ dẫn địa lý mà không thông qua việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Các nhãn hiệu tập thể chỉ thuộc về một nhóm công cộng hay tư nhân, ví dụ như các hiệp hội thương mại và được sử dụng bởi các thành viên của một tập thể, hiệp hội hoặc các nhóm tập thể khác để phân biệt sản phẩm dịch vụ của họ với của các bên không là thành viên. Chỉ có thành viên trong nhóm sở hữu nhãn hiệu tập thể mới được dùng nhãn hiệu tập thể.

***Theo quan điểm cá nhân***: Về việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam ở nước ngoài đặc biệt là các quốc gia không bảo hộ “chỉ dẫn địa lý” thì việc đầu tiên và vô cùng quan trọng là phải lập tức chuyển từ bảo hộ “chỉ dẫn địa lý” sang “nhãn hiệu chứng nhận”. Điều này sẽ giúp các sản phẩm hàng hóa của Việt Nam khi đưa ra thị trường quốc tế dễ dàng và có lợi thế cạnh tranh hơn, bảo vệ được giá trị sản phẩm cũng như danh tiếng và uy tín của địa phương, khu vực và quốc gia. Đối với một số quốc gia bảo hộ chỉ dẫn địa lý thì việc tiếp cận thị trường sẽ đơn giản hơn rất nhiều so với các quốc gia không bảo hộ chỉ dẫn địa lý, vì vậy việc chuyển đổi từ bảo hộ chỉ dẫn địa lý sang “nhãn hiệu chứng nhận” là bước đi nền móng cho sự phát triển thương mại. Ngoài ra thì còn có thể đăng ký bảo hộ “nhãn hiệu thập thể” để thay thế cho “chỉ dẫn địa lý”.